TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHATRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** **————————————**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 02 năm 2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**
Ông **Nguyễn Văn Bạn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Phi Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1104/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Thu T** – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Vĩnh P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Thành V** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Vĩnh P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Thu Trúc trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Thành V tự nguyện kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh N, thành phố Nha Trang. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Ngoài ra, ông V thường xuyên đi nhậu say xỉn về nhà đánh đập vợ con. Chúng tôi đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả tốt đẹp hơn. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Lê Thành V.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, tên là Lê Chí Vĩnh, sinh ngày: 18/5/2011 và Lê Ngọc Thảo Nguyên, sinh ngày: 09/10/2015. Ly hôn tôi xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

** Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Thành V nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể lấy lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T và bị đơn ông Lê Thành V đều vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Thu T được ly hôn ông Lê Thành V. Về con chung: Giao cháu Lê Chí V, sinh ngày: 18/5/2011 và Lê Ngọc P, sinh ngày: 09/10/2015 cho bà Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông V do bà T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết. Án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Thành Vũ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và gia đình*:

Bà Lê Thị Thu T và ông Lê Thành V tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh N, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày đăng ký: 09/9/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V không hạnh phúc do ông V không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, thường xuyên say xỉn về đánh đập vợ con. Cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị

đơn đến Tòa để lấy lời khai nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không thể hiện ý chí muốn níu kéo, đoàn tụ với nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của bà và ông V không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T khai: Vợ chồng bà có 02 *(Hai)* con chung, là cháu Lê Chí V, sinh ngày: 18/5/2011 và Lê Ngọc P, sinh ngày: 09/10/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi nưỡng con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các con chung còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; Hơn nữa, các con chung đang sinh sống ổn định với mẹ (Là bà Lê Thị Thu T) và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, tại các bản tự khai đề ngày 29/12/2022. Mặt khác, ông V không có lời khai, không thể hiện ý kiến về vấn đề con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung là cháu Lê Chí Vĩnh, sinh ngày: 18/5/2011 và Lê Ngọc Thảo Nguyên, sinh ngày: 09/10/2015 cho bà Lê Thị Thu T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn, là hợp lý.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*:

Bà Lê Thị Thu T không yêu cầu ông Lê Thành V cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002511 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Lê Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Thu T được ly hôn ông Lê Thành V.

2. *Về con chung*: Giao các con chung là Lê Chí V, sinh ngày: 18/5/2011 và Lê Ngọc Thảo P, sinh ngày: 09/10/2015 cho bà Lê Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, sau khi ly hôn.

Ông Lê Thành V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. *Về cấp dưỡng:* Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con chung.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

5. *Về án phí*: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002511 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Lê Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Ngọc, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 72, ngày: 09/9/2009);
- Lưu: Án văn + hồ sơ.